

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 25-5-2020

V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 228/2019/HNGĐ-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Hồng E, sinh năm 1977 (có mặt).

- Bà Trương Thị H, sinh năm 1966

- Anh Lê Văn Th, sinh năm 1988

- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1969

- Anh Phan Văn Q, sinh năm 1991

- Chị Phan Thị T1, sinh năm 1992

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1949

- Bà Trần Thị D1, sinh năm 1970
- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1972
- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1940
- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C.

Người đại diện hợp pháp: Ông Châu Văn Ng, chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Tòa án chỉ triệu tập bà D, ông Tr và bà Hồng E; các đương sự khác không triệu tập.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Hồng E - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Bà và ông Trần Văn Tr đã được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 117/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017. Về tài sản chung bà và ông Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nhưng sau khi có quyết định của Tòa án thì ông Tr không thỏa thuận phân chia với bà. Tài sản chung gồm có 01 chiếc xáng cuốc loại 03 mua lại xáng củ vào năm 2015 với giá là 300.000.000 đồng và 01 công đất vuông nuôi tôm, phần đất này do bà và ông Tr mua của ông Phan Văn Gi và bà Bùi Thị L cư trú ấp N, xã Đ, huyện C với giá 20 chỉ vàng 24k, hiện nay ông Gi đã chết, phần đất này hiện nay chưa chuyển tên quyền sử dụng đất sang tên cho bà và ông Tr. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia mỗi người nhận 1/2 giá trị tài sản nêu trên.

Trong quá trình chung sống bà và ông Tr có nợ tiền hụi của bà Võ Hồng E 98.000.000 đồng, nợ tiền hụi của bà Trương Thị H 7.000.000 đồng, nợ tiền hụi của anh Lê Văn Th số tiền hụi là 13.400.000 đồng, nợ ông Phạm Văn H số tiền 15.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu giải quyết chia đôi số tiền nợ trên.

Bị đơn ông Trần Văn Tr trình bày:

Ông thống nhất theo nội dung trình bày của bà D, ông và bà D có tài sản chung gồm 01 chiếc xáng cuốc loại 03 mua vào năm 2015 với giá là 300.000.000 đồng và 01 công đất tầm lớn với giá là 20 chỉ vàng 24k. Ông đồng ý chia đôi số tài sản trên cho bà D, ông yêu cầu được nhận tài sản và giao lại cho bà D ½ giá trị.

Trong thời gian chung sống ông và bà D có nợ tổng số tiền 313.500.000 đồng, trong đó: Nợ bà Trần Thị D1 20.000.000 đồng, ông đã trả được 19.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà Diên 1.000.000 đồng; Nợ bà Võ Hồng E 221.000.000 đồng, ông đã trả được 123 triệu đồng và chỉ còn nợ số tiền 98.000.000 đồng; Nợ bà

Trương Thị H 29.000.000 đồng, ông đã trả cho bà H được 22.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng; Nợ anh Lê Văn Th 28.000.000 đồng, ông đã trả được 21.000.000 đồng, hiện nay còn nợ anh Thạch số tiền 7.000.000 đồng; có bán cho anh Thạch một chân hui và thiếu 25.000.000 đồng, ông đã trả được một phần, còn thiếu 6.400.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà D chia đôi tổng số tiền nợ là 313.500.000 đồng. Đối với tiền nợ hui của ông H ông không biết, đó là do bà Diễm kê khai chứ ông xác định không có mượn nợ của ông H. Nếu bà D đồng ý giao toàn bộ tài sản là 01 công đất và 01 chiếc xáng cuốc cho ông thì ông sẽ chịu trách trả toàn bộ số tiền nợ cho các chủ nợ như đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Hồng E trình bày: Trước đây ông Tr và bà D có tham gia nhiều chân hui do bà làm chủ, sau khi hết toàn bộ các chân hui để mua xáng cuốc thì ông Tr và bà D không đóng hui cho bà đầy đủ. Bà với ông Tr, bà D có tổng kết nợ, ông Tr và bà D xác nhận còn nợ bà số tiền 221.000.000 đồng nhưng ông Tr đã trả cho bà được một phần, hiện nay chỉ còn nợ bà số tiền 98.000.000 đồng. Bà yêu cầu buộc ông Tr và bà D liên đới trả cho bà số tiền 98.000.000 đồng và lãi suất 5,5%/năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trình bày: Vào ngày 10/3/2016 ông Tr và bà D có tham gia 01 chân hui 1.000.000 đồng/tháng, sau khi hết hui phải đóng lại hui chết 29.000.000 đồng, ông Tr đã trả được 22.000.000 đồng, còn nợ 7.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Tr và bà D liên đới trả cho bà số tiền 7.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Th trình bày: Ông Tr, bà D và ông Th có giao dui hui với nhau. Sau khi đối trừ thì ông Tr và bà D còn nợ số tiền 13.400.000 đồng. Nay anh yêu cầu ông Tr và bà D liên đới trả cho anh số tiền nợ hui là 13.400.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Trước đây bà D có cho bà thuê 01 cái nền nhà trên phần đất bà D và ông Tr nhận chuyển nhượng của bà L và ông Gi để bà cất nhà ở, bà D cho bà thuê với giá 100.000 đồng/01 năm, nền nhà có chiều ngang 3,9 mét, dài 05 mét. Nay bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa bà D và ông Tr. Đối với cái nền nhà bà thuê của bà D, nếu sau này Tòa án giải quyết xong, bà D cho bà thuê tiếp thì bà vẫn thuê, còn bà D không cho thuê thì bà tháo dỡ nhà di dời đi, bà không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày: Trước đây bà D có cho bà thuê 01 cái nền nhà và 01 cái ao trên phần đất do bà D và ông Tr nhận chuyển nhượng của bà L và ông Gi để bà cất nhà ở và nuôi tôm, bà D cho bà thuê phần đất với giá 600.000 đồng/01 năm. Nay bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa bà D và ông Tr. Đối với cái nền nhà bà thuê của bà D, nếu sau này Tòa án giải quyết xong, bà D cho thuê tiếp thì bà vẫn thuê, còn bà D không cho thuê thì bà tháo dỡ nhà di dời đi, bà không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại các biên bản hòa giải, tại đơn trình bày ý kiến và xét xử vắng mặt ngày 21/11/2019, ông Châu Văn Ng trình bày: Trong vụ án này ông Tr và bà D không có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi

nhánh huyện C (viết tắt Ngân hàng) nhưng bà Bùi Thị L có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để vay số tiền vốn 39.000.000 đồng từ năm 2012 đến nay bà L không có trả vốn và trả lãi cho Ngân hàng. Nợ của bà L hiện nay đã quá hạn nhưng bà L bỏ địa phương đi Ngân hàng không L hệ được. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, buộc bà L cùng hai người con là Phan Văn Q và Phan Thị T1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/11/2019 là 91.650.000 đồng, nếu như Tòa án tuyên xử có liên quan đến tài sản đã thế chấp để vay tiền của Ngân hàng.

Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị L, anh Phan Văn Q, chị Phan Thị T1, ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị D1, ông Phạm Văn H nhưng những người này không có ý kiến gì đối với yêu cầu của các đương sự.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 228/2019/HNGĐ-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 165, 217, 218, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D.
- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của anh Lê Văn Th.
- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Hồng E đối với bà Trần Thị D và ông Trần Văn Tr. Buộc bà Trần Thị D trả cho bà Võ Hồng E số tiền 49.000.000 đồng, buộc ông Trần Văn Tr trả cho bà Võ Hồng E số tiền 49.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Hồng E về việc yêu cầu buộc bà Trần Thị D và ông Trần Văn Tr trả số tiền lãi là 10.125.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị H đối với bà Trần Thị D và ông Trần Văn Tr. Buộc bà Trần Thị D trả cho bà Trương Thị H số tiền 3.500.000 đồng, buộc ông Trần Văn Tr trả cho bà Trương Thị H số tiền 3.500.000 đồng.

Đối với số tiền trên, kể từ ngày bà Võ Hồng E, bà Trương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Trần Thị D, ông Trần Văn Tr phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/12/2020 bà Võ Hồng E có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Trần Văn Tr phải trực tiếp trả đủ số tiền 98.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bà D vắng mặt không có lý do.

Bị đơn trình bày: Ông và bà D có tài sản chung là xáng cuộc lúc mua 300 triệu đồng (hiện nay đã cũ giá trị không cao) và 01 công đất biên (đất hiện tại bà D cõ cho người khác).

Bà D và ông Tr thỏa thuận là ông Tr nhận tài sản và có trách nhiệm trả nợ. Ông đã trả cho bà Hồng E số tiền khoảng 120 triệu đồng, còn thiếu 98 triệu đồng, nay ông không đồng ý trả số nợ 98 triệu đồng vì bà D bỏ địa phương đi và còn yêu cầu chia tài sản, do đó ông Tr yêu cầu bà D quay về để tính toán phân tài sản và trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hồng E trình bày: Ông Tr, bà D hốt hụi để mua sắm tài sản nhưng không đóng hụi chết, hiện nay bà D bỏ địa phương đi đâu không rõ, ông Tr là người quản lý tài sản nên phải có trách nhiệm trực tiếp trả cho bà 98 triệu đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 117/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2017 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Trần Thị D và Trần Văn Tr; tài sản chung hai đương sự tự thỏa thuận. Do không thỏa thuận được, tháng 01/2018 bà D khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và trả nợ chung tổng số tiền 133.400.000 đồng; ông Tr đồng ý về chia tài sản chung và trả nợ chung tổng cộng là 313.500.000 đồng, trong đó có khoản nợ trả cho bà Hồng E là 98.000.000 đồng. Do bà D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết về chia tài sản chung; Về nợ trả: buộc bà D, ông Tr mỗi người trả cho bà Hồng E 49.000.000 đồng. Bà Hồng E không đồng ý nên kháng cáo bản án sơ thẩm: yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Trần Văn Tr phải có trách nhiệm trực tiếp trả đủ số tiền 98.000.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà Hồng E yêu cầu ông Tr trực tiếp thanh toán nợ: Bà D, ông Tr đều xác nhận hiện tại còn nợ bà Hồng E số tiền 98.000.000 đồng, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà D, ông Tr hốt hụi nhưng không đóng hụi chết. Theo như ông Tr trình bày, hiện ông và bà D chưa có quyết định của Tòa án về chia tài sản chung nhưng hai đương sự đã thỏa thuận miệng là ông Tr quản lý tài sản chung để trả hết các khoản nợ, vì vậy thời gian qua ông Tr đã trả cho bà Hồng E hơn 120.000.000 đồng, còn thiếu lại 98.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr không đồng ý trả hết số nợ và cũng không đồng ý dùng tài sản chung để trả nợ.

Nhận thấy, nếu buộc bà D, ông Tr mỗi người thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Hồng E bởi vì tài sản chung hai đương sự chưa chia, hiện bà D đã đi khỏi địa phương không biết địa chỉ mới từ đó sẽ khó khăn cho việc thi hành án. Theo quy định tại Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình: “*Quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn...*” và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: “*Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập; nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...*”, thì tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định buộc vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới. Do đó, buộc ông Tr và bà D có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà Hồng E. Vì vậy, kháng cáo của bà Hồng E được chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của bà Hồng E, sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 228/2019/HNGĐ-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C. Buộc ông Tr và bà D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Hồng E số tiền 98.000.000 đồng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm như những căn cứ nhận định trên.

[5] Về án phí: Do buộc liên đới thanh toán nợ nên về án phí sơ thẩm có thay đổi. Bà D, ông Tr liên đới chịu án phí sơ thẩm là 4.900.000 đồng đối với trách nhiệm thanh toán nợ cho bà Hồng E.

Án phí phúc thẩm bà Hồng E không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Võ Hồng E; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 228/2019/HNGĐ-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của anh Lê Văn Th.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Hồng E đối với bà Trần Thị D và ông Trần Văn Tr. Buộc bà Trần Thị D và ông Trần Văn Tr chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Võ Hồng E số tiền gốc 98.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Hồng E về việc yêu cầu buộc bà D, ông Tr trả số tiền lãi là 10.125.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị H đối với bà Trần Thị D và ông Trần Văn Tr. Buộc bà D trả cho bà H số tiền 3.500.000 đồng. Buộc ông Tr trả cho bà H số tiền 3.500.000 đồng.

Đối với số tiền trên, kể từ ngày bà Võ Hồng E có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thi hành thì bà D, ông Tr có trách nhiệm liên đới chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án thì bà D, ông Tr phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Trả lại cho bà D số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng, theo biên nhận ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Về án phí sơ thẩm:

Bà D, ông Tr có trách nhiệm liên đới chịu án phí sơ thẩm là 4.900.000 đồng.

Bà D, ông Tr mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 175.000 đồng.

Bà Võ Hồng E phải chịu 506.200 đồng, đối trừ số tiền đã nộp 2.450.000 tại biên lai thu tiền số 0004698 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà Võ Hồng E được nhận lại 1.943.800 đồng.

Bà Trương Thị H không phải chịu án phí, ngày 29/5/2018 bà H có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 175.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004476 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được nhận lại.

Ngày 19/01/2018 bà Trần Thị D có nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 4.375.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004110 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được sung quỹ Nhà nước.

Ngày 18/12/2018 anh Lê Văn Th có nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 335.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được sung quỹ Nhà nước.

- Án phí phúc thẩm bà Hồng E không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0005020 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được nhận lại toàn bộ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền